

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày: 08 - 6 - 2020
V/v Tranh chấp về tiền hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Xuân Dũng

2. Ông Bùi Ngọc Thảo

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim– Thư ký Tòa án Tp.
Buôn Ma Thuột

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên
tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tinh- Kiểm sát viên

Ngày 08-6-2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 594/2019/DSST ngày 04 tháng 10 năm 2019, về việc
“*Tranh chấp về tiền hụi*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXX-DS
ngày 08/4/2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Số nhà 31, thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thái S. Địa chỉ: Số
nhà 181 Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Công K (chồng bà D)

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(có mặt).

2. Nguyễn Văn S (chồng bà H)

Địa chỉ: Số nhà 31, thôn 3, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Thôn 11, xã H, Tp. B, Đắk Lắk(vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Quốc H

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, Tp. B, Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm quen biết nhau nên bà Nguyễn Thị H có rủ bà góp huê (hụi) nên bà đồng ý: Vào ngày 25/9/2018 âm lịch bà vào 02 chân huê, bà đã đóng áp thảo 2 chân là 2.000.000đồng, mỗi tháng đóng 800.000đồng/ chân huê, thời hạn đã đóng 12 tháng, bà là người hốt huê cuối cùng (là ngày 25/9/2019 âm lịch), khi đóng huê cho bà H thì bà không biết những ai tham gia cùng dây huê với bà mà bà H nói hàng tháng bà cứ đóng huê cho bà H rồi cuối năm hốt. Bà đã đóng được số tiền huê như sau: Tháng 3 năm 2019 bà đã đóng trước 05 tháng (từ tháng 10/2018 âm lịch đến tháng 2/2019 âm lịch) với số tiền 6.400.000đồng, đóng tháng 3 năm 2019 số tiền 1.600.000đồng; ngày 25/4/2019 âm lịch đóng 1.600.000đồng; ngày 25/5/2019 đóng 2.400.000đồng; ngày 25/6/ 2019 đóng 1.600.000đồng; ngày 25/7/ 2019 đóng 1.600.000đồng; Ngày 02/7/2019 âm lịch bà góp tiếp 01 chân huê và đã đóng áp thảo 1.000.000đồng nhưng do sau đó vỡ huê nên không đóng huê nữa. Tổng số tiền bà đã đóng cho bà H là 18.200.000đồng.

Khi góp huê thì bà H có viết giấy biên nhận cho vay hốt huê tên Thanh H tức là tên của bà Nguyễn Thị H người vào huê là D K(D là tên bà Lê Thị D, K (Bùi Công K chồng của bà D) hàng tháng đã đóng huê đều có giấy biên nhận, đến tháng 8 năm 2019 âm lịch thì bà H công bố phá sản và nói không có tiền trả cho bà.

Đối với việc đã đóng huê này bà chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị H trả tiền cho bà số tiền bà H đã nhận và không yêu cầu tính lãi suất còn chồng bà H là Nguyễn Văn S không tham gia vào việc đóng huê nên bà không yêu cầu.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà H trả số tiền 19.600.000đồng nhưng bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.400.000đồng, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả cho bà với số tiền là 18.200.000 đồng.

2. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thái S trình bày:

Bà Nguyễn Thị H bắt đầu tổ chức góp huê với một số người dân cùng xóm tại Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chủ yếu giúp nhau. Trong thời gian góp huê bà H làm cái huê, có trách nhiệm thu tiền và tính toán lãi lời của những người đã đóng chân huê, xác định các đợt hốt huê và thu tiền huê từng người để cho khác người hốt huê. Bà tổ chức góp nhiều dây huê với nhiều người nên bà không nhớ rõ. Năm 2018 âm lịch bà có tổ chức góp huê thì Bà D có tham gia 03 chân huê, cụ thể: Ngày 25/9/2018 âm lịch, bà nhận tiền áp thảo của bà D 02 chân huê là 2.0000.000đồng, hàng tháng bà D đã đóng 1.600.000đồng/2 chân huê, thời gian đóng huê 12 tháng. Bà D đã đóng tiền huê cho bà H được số tiền 17.200.000đồng. Bà D chưa hốt huê lần nào cả đến ngày 07/2/2018 âm lịch bà D góp tiếp 01 chân huê và đã đóng áp thảo 1.000.000đồng. Tổng số tiền bà H thu của bà D là 18.200.000đồng nhưng bà H thu tiền của bà D đã cho bà Trọng và anh Huy hốt huê nên chưa có tiền trả cho bà Dung.

Việc hốt huê không bốc thăm và theo thứ tự nào. Ai có nhu cầu thì liên hệ với nhau. Người nào đã hốt thì các tháng tiếp theo sẽ đã đóng đủ 1.000.000 đồng/ chân. Người nào chưa hốt thì mỗi kỳ chỉ đóng 800.000 đồng/chân. Mỗi đợt hốt huê, bà H

nhận hoa hồng là 200.000 đồng/chân. Đến tháng 6/2019 (Âm lịch) thì giữa những người đã đóng huê xảy ra mâu thuẫn có người đòi hốt huê sớm nhưng bà H không đồng ý vì trước đó đã hốt nhiều nên lần này để nhường cho người khác có điều kiện khó khăn hơn hốt. Sau đó, bà H nghe được thông tin mọi người đồn bà H bẻ nợ nên không thể tiếp tục thu tiền của những người đã đóng huê được nữa nên bà H chưa thu được tiền của người khác để trả lại cho bà D.

Nay, bà D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả toàn bộ số tiền đã đóng huê là 18.200.000 đồng thì bà H đồng ý. Về thời gian và phương thức thanh toán: Theo trình tự, thủ tục thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà H chấp nhận chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

3. *Tại bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Công K trình bày:*

Ông là chồng của bà D, ông thông nhất ý kiến của vợ là bà D, việc đóng huê giữa vợ ông với bà H thì ông không biết. Số tiền vợ ông đã đóng huê với bà H ông không biết và không có ý kiến gì. Hiện nay vợ ông kiện buộc bà H trả tiền thì ông đồng ý và không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Công Khôi đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71, 72 của BLTTDS. Về thời hạn tố tụng vi phạm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ điều 166, điều 471 Bộ Luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D, buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Lê Thị D số tiền 18.200.000đồng. Bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.400.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D khởi kiện buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Số nhà 31, thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải trả tổng số tiền đã đóng hui là 18.200.000.000đồng đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện bà D yêu cầu bà H phải trả số tiền đã đóng hui với tổng số tiền là 19.600.000đồng, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.400.000đồng chỉ yêu cầu bà H trả số tiền 18.200.000đồng. Xét đây là sự tự nguyện của bà D nên chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.400.000đồng. Bà D cung cấp cho Tòa án các chứng cứ bản gốc biên nhận cho vay hốt huê, giấy tờ ghi tiền đã đóng huê có ghi rõ số tiền đã đóng hàng tháng, có bà H người ký ghi rõ họ tên và bà H đã thừa nhận điều này và chấp nhận trả cho bà D số tiền trên. Xét thấy việc góp tiền hui giữa bà D và bà H là có thật, bà H đã nhận tiền đóng hui của bà D đến hạn trả lại tiền hui là ngày 25/9/2019 âm lịch (tức là ngày 23/10/2019 dương lịch) mà bà H chưa trả tiền cho bà D là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền đã đóng hui là 18.200.000 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận. Về lãi suất bà D không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về án phí DSST: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 18.200.000đồng x 5% = 910.000đồng

[5]. Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 241; Điều 244; Điều 266 và Điều 271 và điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015

- Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D

1. Đình chỉ khởi kiện với số tiền 1.400.000đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Lê Thị D số tiền đã nhận đóng hui là 18.200.000đồng (Mười tám triệu, hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 910.000đồng. Trả lại cho bà Lê Thị D số tiền 490.000đồng tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị H đã nộp thay theo biên lai thu số 0004870, ngày 25/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai